Quyển 2 (Kinh số 33 - 58)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

32 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 2 33. SẮC KHÔNG PHẢI LÀ NGÃ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã thì không thể có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đối với sắc cũng không thể ước muốn nó trở nên như vậy hoặc không trở nên như vậy. Vì sắc là vô ngã cho nên có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đoi với sắc cũng có thể ước muốn nó trở nên như vậy hoặc không như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Này các Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, là vô thường! Này các Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, có phải là khổ chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, là khổ! Này các Tỳ-kheo! Nấu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: -Không nên, bạch Thế Tôn! —Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Do vậy, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gân thì phải quán sát chân thật hét thảy chúng đêu không phải ngã, không khác ngã, cũng không tồn tại trong nhau. Đối vối thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

l Tvra đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. i|(r.O2. 0099.33. 0007Ồ22). Tham chiếu: Tạp.(2. 0099.34. 0007c13); Ngũ uẩn giai không kinh (T.02. 0102. 0499c05); Ngũ phản luật (T.22. 1421.15. 0101a08);luật (7122. 1428.31. 0779a02); s. 22.59 - III. 66.

QUYỂN 2 33

Này các Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát chân thật đối với năm thủ uan này khônệ phải là ta, không phải của ta. Quán sát chân thật như vậy rồi2 thì đoi với các the gian không có gì để nắm giữ; vì không có gì để nắm giữ cho nên không có gì vướng mác; vì không có gì vướng mắc cho nên tự mình giác ngộ Niêt-bàn: C6Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

34. NĂM VỊ TỲ-KHEO3 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Vườn Nai, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bay giơ, The Ton noi vơi năm vi Tỳ-kheo: sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã thì đã không có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đối với sắc thì cũng không thể ước muốn nó trở nên như vậy hoặc không nên như vậy. Vì sắc vô ngã cho nên mới có bệnh, kho sanh ra nơi sắc và đoi với sắc thì cũng có the ước muốn nó trở nên như vậy hay không nên như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức thì cũng như thế. Này các Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, là vô thường! Này các Tỳ-kheo! Nấu là vô thường,

có phải là khổ chăng? - Bạch Thế Tôn, là khổ! Này các Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hay tôn tại trong nhau chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, không nên! Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Do vậy, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì phải quán sát chân thật hết thảy chúng đều kh6ng phải là ta, không phải là của ta. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

2 Nguyên tác: Như thật quán sát ().Thẹo Tạp.(02.0099.32.0007al0): Như thị chánh quán ().Cả hai trường hợp này có cùng cấu trúc theo văn hệ Pali: Yathābhūtam sammappaññāya datthabba (như thật quán với chánh trí tuệ), HT. Thích Minh Châu dịch. 3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 8(r.02. 0099.34.0007c13). Tham chiếu: Tạp.(7^02. 0099.33. 0007Ò22); Ngũ uẩn giai không kinh (r.02. 0102. 0499c05); Ngũ phân luật (T22. 1421.15. 61 (Ti a08);?p luật (T22. 1428.31. 0779a02); s. 22.59-III. 66.

34 KINH TẠPA-HÀM ----------

Này các Tỳ-kheo! Đối với năm thủ uẩn này, vi Thánh đệ tử đa văn thấy không phải là ta, không phải của ta. Quán sát như vậy roi thì đôi với thê gian đều không có gì để nắm giữ; vì không có gì để nắm giữ cho nên không có gì vướng mắc; vì không có gì vướng mắc cho nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Phật nói kinh này xong, năm vi Tỳ-kheo không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

35. BA VỊ HIỀN GIẢ4 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Viên, thuộc nước Chi-đề. Bấy giờ, có ba vi Hiền giả5 xuất gia chưa bao lâu. Đó là Tôn giảA-nậu-luật- đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la.6 Bấy giờ, Thế Tôn biết rõ ý nghĩ ữong tâm họ, liền giáo giới rằng: -Này các Tỳ-kheo! Tâm này, ý này, thức này;7 hãy tư duy điều này, chớ tư duy điều này; hãy đoạn trừ dục này, hãy đoạn trừ sắc này, tự thân chứng ngộ và an trụ.8 Này các Tỳ-kheo! Có sắc nào thường còn, không thay đổi, tồn tại mãi không? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo các Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thay! sắc là pháp vô thường, đổi thay, đáng chán bỏ thì được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ.9 sắc từ xưa đến nay đều như vậy, hết thảy chúng đều là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi. Sau khi biết như vậy thì tất cả mọi phiền não, tai hại, bứt rứt, lo buồn, sầu não vốn đã duyên vào sắc ấy mà sanh ra đều bị đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ rồi thì không còn vướng mắc. Đã không còn vướng mắc thì được sống an lạc. Đã sống trong an lạc thì được Bát-niêt-bàn. Đôi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.35. 0008a05. 5 Nguyên tác: Chánh si chỉ cho người đang tu tập theo điều chân chánh, nên thống nhất gọi là Hiên giả. ^Tôn giảA-nậu-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la . P. Anurudhā, Nandi, Kimbila. 7 Nguyên tác: Thử tâm, thử ý, thử thức cittarn

itipi, mano itipi, viññānam itipī. 8 Nguyên tác: Thân tác chứng cụ túc trụ .p. upasampajja viharanti chứng ngộ và an trụ. ^Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một .Tham chiếu: Phân biêt lục giới kỉnh T.01. 0026.162. 0692a18 ghi là avô dục, diệt, túc, chi" „ít.

Khi Phật nói kinh này, ba vị Hiền giả không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

36. MƯỜI SÁU TỲ-KHEO10 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài Tán Cái, bên bờ sông Bạt-đề, thuộc nước Ma-thâu-la. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Hãy an trú nơi hòn đảo của chính mình, hay an trú và nương tựa nơi chính mình! Hãy an trú nơi hòn đảo Chánh pháp, hãy an trú và nương tựa nơi Chánh pháp, không phải hòn đảo nào khác, không phải nơi nương tựa nào khác! Này các Tỳ-kheo! Phải chân chánh quán sát, hãy an trú nơi hòn đảo của chính mình, hãy nương tựa nơi chính mình. Hòn đảo chính là Chánh pháp, nơi nương tựa chính là Chánh pháp, không phải hòn đảo nào khác, không phải nơi nương tựa nào khác. Do nguyên nhân gì mà lo buồn, khổ não phát sanh? Vì sao nó hiện hữu? Nguyen nhân của nó từ đâu? Vì sao lại bị trói buộc? Phải tự quán sát rằng, do đâu mà lo buôn, khô não chưa sanh mà bây giờ lại sanh? Do đâu mà lo buôn, khổ não đã sanh rồi lại tăng trưởng thêm lên? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thay. Này các Tỳ-kheo! Hãy tự mình quán sát, do sự hiện hữu của săc? do nguyên nhân từ sác, do sự trói buộc của sác nên những lo buôn, khô não chưa sanh thì nay lại sanh, đã sanh rồi thì tăng trưởng thêm lên; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo! Có sắc nào thường hằng, không thay đổi và tồn tại mãi không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn!

10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.36. 0008a21). Tham chiếu: s. 22.43 III. 42.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, sắc là vô thường. Nấu người thiện nam biết rõ sắc là vô thường, là khổ, là đổi thay thì được lìa dục? diệt tận, tịch tĩnh, vắng lặng. Từ xưa đến nay, tất cả sắc đều là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi. Biết như vậy rồi thì nếu sắc làm nhân duyên sanh ra lo buồn, khổ não sẽ bị đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ sắc rồi thì không còn gì vướng mắc. Do không còn gì vướng mắc nên sống trong an lạc. Đã song trong an lạc thì được gọi là Niết-bàn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Khi Phật nói kinh này, mười sáu Tỳ-kheo không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. * Kệ tóm tắt: Trúc Viên, Tỳ-xá-ly? Thanh tinh, Chánh quán sát, Vô thường, Khổ, Phi ngã, Ngũ, Tam dữ Thập lục.11 ***

37. KHÔNG TRANH VỚI THẾ GIAN12 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Ty-kheo: -Ta không tranh luận với thế gian, chỉ có thế gian tranh luận với Ta. Vì sao như vậy? Này các Tỳ-kheo! Nêu ai nói đúng như pháp13 thì người ấy không tranh luận với the gian. Những gì người trí trong thế gian nói là có14 thì Ta cũng nói là có. Thế nào là người trí trong the gian nói là có thì Ta cũng nói là có? Này các Tỳ-kheo! sắc là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay; người trí trong thê gian nói là có thì Ta cũng nói là có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay; người trí trong thế gian nói là có thì Ta cũng nói là có. Những gì người trí trong thế gian nói là không thì Ta cũng nói là không. Người trí ở thế gian không nói rằng sắc là thường hằng, không thay đổi, tồn

^Nguyên tác Nhiếp tụng: ,;,,,;,.Do đặt lại tựa đe nen Nhiếp tụng lchong trùng với tên kinh. 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.37. 0008b15). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.38. 0008C08); s. 22.94 - III. 138 13 Nguyên tác: Như pháp ngữ giả (dhammavādī). 14 Nguyên tác: Thế gian trí giả ngôn hữu (,atthisammatam lokepanditānam).

tại mãi. Ta cũng không nói như vậy. Cũng vậy, người trí ở thế gian không nói răng thọ, tưởng, hành, thức là thường hăng, không thay đổi, tồn tại mãi. Ta cũng không nói như vậy. Đó gọi là người trí trong thế gian nói là không thì Ta cũng nói là không. Này các Tỳ-kheo! Có những pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian15 mà Ta đã tự biết rõ, tự giác ngộ rồi phân biệt, diễn nói, chỉ bày cho người; thế nhưng đoi với kẻ mù ở trong thế gian, do không có mắt nên không biết, không thấy thì đó không phải là lỗi của Ta. Này các Tỳ-kheo! Những pháp nào thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự biết rõ, tự chứng ngộ rồi phân biệt, diễn nói, chỉ bày cho người; nhưng những kẻ mù không có mắt ở trong the gian thì lại không biết, không thấy? Đó là, này các Ty-kheo! sắc là pháp vo thường, là khổ, là pháp đổi thay. Đó gọi là pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, là khổ, là pháp đổi thay. Đó là pháp những pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian. Này các Tỳ-kheo! Đó là những pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự hiểu rõ, tự chứng ngộ roi phân biệt, diễn nói, chỉ bày cho người; the nhưng đoi với kẻ mù kia do không có mắt nên không biết, không thấy. Đoi với kẻ mù không có mắt nên không biết, không thấy thì Ta biết làm sao được. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

38. ĐỊNH DANH VÈ CÁI BÁT16 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.* Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Người đời làm nhiều nghề nghiệp thấp kém, tìm đủ mọi cách mưu sinh để mong được giàu sang thì người đời ai cũng đều biết. Như những điều mà thế gian biết, Ta cũng nói như vậy. Vì sao như thế? Vì đừng nghĩ rằng17 Ta khác với người đời. Này các Tỳ-kheo! Ví như cùng một món đồ dùng, nhưng người ở vùng này gọi nó là kiện-tý? nơi khác thì gọi là cái bát, có chỗ lại gọi là chủy-chủy-la5 có chỗ gọi là giá-lưu5 có chỗ gọi là

tỳ-tất-đa5 có chỗ gọi là bà-xà-na, có chỗ gọi là

15 Nguyên tác: Thế gian thế gian pháp loke lokadhammā. 16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.38. 0008c08. Tham chiếu: Tạp.r.02. 0099.37. 00Ỏ8Ò15; s 22.94 - m. 138 17 Nguyên tác: Mạc linh .Theo Chảnh Pháp Hoa kinh từ điển ,Tinh"có nghĩa mong mỏi, ước vọng.

tát-lao. Ta cũng nói như vậy, đúng theo sự hiểu biết của người ở các nơi ấy.1819 20 Vì sao như thế? Vì đừng nghĩ rằng Ta khác với người đời. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Có pháp thế gian mà Ta đã tự biết rõ? tự giác ngộ rồi phân biệt, giảng nói, chỉ bày cho người. Ta thấy, biết rồi mới nói. Thế nhưng đối với kẻ mù trong thế gian, do không có mắt nên không thấy, không biết. Đối với kẻ mù ở trong thế gian, do không có mắt nên không thấy, không biết thì Ta biết làm sao được. Này các Tỳ-kheo! Những pháp nào thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự biết rõ, tự giác ngộ,... (cho dến)i9 không biết, không thấy? sắc là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi; đó là pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, khô đau, thay đôi; đó là pháp thuộc vê thê gian ở trong the gian. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là pháp thuộc vê thê gian ở trong thê gian mà Ta đã tự thấy, tự biết... (cho đếnýồ những kẻ mù không có mắt nên không biết, không thấy thì Ta biết làm sao được. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

39. CÁC LOẠI HẠT GIỐNG21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Có năm loại hạt giống. Những gì là năm? Hạt giống từ rễ,22 hạt giống từ thân,23 hạt giống từ đốt,24 hạt giống từ chiết cành25 và hạt giống từ quả.26 Năm loại hạt giông này, dù không bi gián đoạn, không bị hư, không bi thôi, không bị gi6, vừa chín, chắc hạt, có đất, nhưng nếu không có nước thì các loại hạt giống ấy không thể sanh trưởng, lớn mạnh được.

18 Đây là những tên gọi khác nhau chỉ cho cái bát. Xem thêm M. 139, Aranavibhañga Sutta (Kinh vô tránh phân biêt): ơ đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ? người ta biết (những chữ) pati... pattā... vittha... sarava... dharopa... pona... pisiỉa. Như vậy, như họ biêt trong các quôc độ ây những chữ là như vậy như vậy, có người lại lam như vậy, kiên trì chấp thủ, chấp trươc và nói: "chí rứiư vạy là sự thật, ngoài ra là hư vọng.,, Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp trước địa phương ngữ, là đi quá xa ngổn ngư thường dùng (HT. Thích Minh Châu dịch). 19 Bản Hán tỉnh lược nội dung. 20 Như trên. 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.39. 0008c26). Tham chiếu: s. 22.54 - III. 54. 22 Nguyên tác: Căn chủng tử (mūlabījci). 23 Nguyên tác: Kinh chủng tử (,khandhabīja). 24 Nguyên tác: Tiết chủng tử (phalubịja). 25 Nguyên tác: Tự lạc chủng tử ().p. aggabīja (chiết cành, cũng gọi là sáp cành). 26 Nguyên tác: Thật chủng tử (,bījabījañña).

không còn tái sanh." Ta nói thức của vi ây không đi đên Đông, Tây, Nam, Bác, bốn phương phụ, phương trên và phương dưới, không có chỗ đen, chỉ thấy pháp, muốn nhập Niết-bàn5 tịch diệt, mát mẻ, thanh tịnh, chân thật. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

40. QUYẾN LUYẾN VÀ GIẢI THOÁT34 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, Thê Ton bao các Ty-kheo: Còn quyên luyên35 thì không giải thoát. Không quyên luyên thì được giải thoát. Thế nào là còn quyến luyến thì không giải thoát? Này các Ty-kheo, thức bám víu vào bốn thủ uẩn mà an trụ. Những gì là bốn? Thức quyến luyến đối với sắc rồi an trụ. Cũng vậy, thức quyến luyến đối với thọ, tưởng, hành rồi an trụ... (cho đến)3637vì chẳng phải là cảnh giới. Thế nào là không quyến luyến thì được giải thoát? Là đối với sắc giới lìa tham; đoi với thọ, tưởng, hành mà lìa tham,... (cho đen)31 thanh tinh, chân thật. Đó gọi là không quyến luyến thì được giải thoát. Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

41. LIỄU TRI NĂM THỦ UẨN38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có năm thủ uẩn.39 Đó là sắc thủ uẩn? thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Đối với năm thủ uẩn này, Ta biết như thật về năm điều: Biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về vi ngọt của sắc, biết như thật về tai họa của sắc và biết như thật về sự thoát ly sắc.

34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.40. 0009a27). Tham chiếu: s. 22.53 - III. 53. 35 Nguyên tác: Phong trệ ().p. upaya (sự quyến luyến, sự dính mắc). 36 Bản Hán tỉnh lược nội dung. 37 Như trên. 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.41. 0009ỒỒ7). Tham chiếu: s. 22.56 - III. 58. 39 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm ().

Cũng vậy, Ta biết như thật về thọ, tưởng, hành; biết như thật về thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, biết như thật về vị ngọt của thức, biết như thật về tai họa của thức và biết như thật về sự thoát ly thức. Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì thuộc về sắc bao gồm bốn đại40 và sắc do bốn đại tạo thành, đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật về sắc. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Đối vơi sắc mà có sự ưa thích, đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của sắc? Nghĩa là, do sắc làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của săc. Thế nào là biết như thật về tai họa của sắc? Bởi sắc là vô thường, là khổ, là pháp biến đôi, đó gọi là tai họa của sắc. Như vậy là biết như thật về tai họa của sắc. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly sắc? Nếu đối với sắc mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly sắc. Thế nào là biết như thật về thọ? Có sáu loại41 thọ. Thọ sanh khởi do sự tiếp xúc của mát. Cũng vậy? do sự tiêp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra thọ, đó gọi là thọ. Như vậy là biết như thật về thọ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập

khởi của xúc là tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật ve sự tập khởi của thọ. Thế nào là biết như thật về vi ngọt của thọ? Sáu thọ làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ. Thế nào là biết như thật về tai họa của thọ? Bởi vì thọ là vô thường là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thọ. Như vậy là biết như thật về tai họa của thọ. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thọ? Đối vBi

40 Nguyên tác: Tứ đại cattāri mahābhūtānī, gồm có địa CHfe: chất cứng thủy chất lỏng hỏa hơi nóng phong sự chuyên động .
41 Nguyên tác: Thân kāyā. Ngoài nghĩa utthân thể"còn có nghĩa là "chiỉng loại". 42 Nguyên tác: Tưởng saññā. 43 Nguyên tác: Lục tưởng thân .

42 KINH TẠPA-HÀM

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tưởng? Đó là? tưởng làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tưởng. Thế nào là biết như thật về tai họa của tưởng? Tưởng là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của tưởng. Như vậy là biết như thật ve tai họa của tưởng. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly tưởng. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly tưởng. Thế nào là biết như thật về hanh?44 Có sáu loại tư.45 Tư sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra tư, đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về hành. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập

44 Nguyên tác: Hành saùkhãrà.

45 Nguyên tác: Lục tư thân .Tư cetanã.

46 Nguyên tác: Thức viññānci.

47 Nguyên tác: Lục thức thân cha viññānakāya.

QUYỂN 2 43

Này các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với sắc mà biết như vậy, thấy như vậy; biết như vậy, thấy như vậy là hướng đến ly dục, đó gọi là sự hướng đến chân chánh. Nếu ai hướng đến chân chánh, Ta nói người đó sẽ được thể nhập.48 Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc mà biết như thật, thấy như thật thì vị ấy sanh khởi nhàm chán đối với sắc, sẽ lìa dục, không khởi các phiền não, tâm được giải thoát. Nếu tâm vị ấy được giải thoát thì được gọi là bậc Thuần nhất.49 Bậc đã thuần nhất thì vi ấy sẽ thành tựu Phạm hạnh. Bậc đã thành tựu Phạm hạnh thì vị ấy lìa dục, được tự tại, đó gọi là vượt thoát khỏi khổ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

42. THUẦN THỤC BẢY YẾU TÓ50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Ky.dà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Do thuần thục bảy yếu tố51 và quán sát nghĩa đầy đủ52 theo ba cách đối với Chánh

pháp53 nên được dứt sạch phiền não, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình biết rõ, tự thân tác chứng rồi tự an trú: “Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Thế nào gọi là Tỳ-kheo thuần thục bảy yếu tố? Tỳ-kheo biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, con đường đưa đến sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và biết như thật về sự thoát ly sắc. Cũng vậy, biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, con đường đưa đến sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, tai họa của thức và sự thoát ly thức.

48 Nguyên tác: Bỉ nh,ap :Vị ấy thể nhập Chánh pháp. Theo s. 22.56 - III. 58: Những ai khéo thực hiện, những vị ấy co chân đứng trong Pháp và Luật này. 49 Nguyên tác: Thuần nhất ,kevalirì'. Bậc Tối thắng, bậc Giác ngộ, bậc A-la-hán. 50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 009942. 0010a04. Tham chiếu: Biệt Tạp.02. 0101.27. 0Ỏ05C19; rtó/xí? tam quản kinh T.02. 0150A.1. 0875b05;r.02. 0150A.3. 0876al6; s. 22.57-III. 61. 51 Nguyên tác: Thất xứ thiện .Thiện ,kusala vừa mang nghĩa là điều lành vừa mang nghĩa là thuần thục, thiện xảo. Căn cứ vào ngữ cảnh trong kinh thì thiện ,kusala được hiêu theo nghĩa thứ hai. 52 Nguyên tác: Tận ,chỉ cho sự đầy đủ, toàn bộ ,kevala. 53 Nguyên tác: Ư thử pháp .Thử pháp :Giáo pháp này, tức chỉ cho Chánh pháp. Theo S. 22.57 - III. 61: Dhammavinaye kevalī toàn vẹn trong Pháp và Luật này, HT. Thích Minh Châu dịch.

Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì thuộc về sắc, bao gồm bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật ve sắc. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Ái hỷ54 là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của sắc? Ái hỷ diệt thì sắc diệt. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của sắc. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc? Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy,5556 chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn* chánh niệm và chánh định. Đó là con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Thế nào là biết như thật về vi ngọt của sắc? Đó là, sắc làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vi ngọt của sac. Như vậy là biêt như thật vê vi ngọt của sac. Thế nào là biết như thật về tai họa của sắc? Bởi vì sắc là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của sắc. Như vậy là biết như thật về tai họa của sắc. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly sắc. Thế nào là biết như thật về thọ? Có sáu loại thọ. Thọ sanh khởi do sự tiếp XÚC của mat. Cũng vậy, do sự tiêp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra thọ, đó gọi là thọ. Như vậy là biết như thật về thọ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thọ. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thọ? Sự diệt tận của xúc là diệt tận

của thọ. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thọ. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thọ? Thọ làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc. Đó là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ. Thế nào là biết như thật về tai họa của thọ? Thọ là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thọ. Như vậy là biết như thật về tai họa của thọ.

54 Nguyên tác: Ái hỷ nandīrāgā. 55 Nguyên tác: Chánh chí . 56 Nguyên tác: Chánh phương tiện .

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thọ? Đối với thọ mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly của thọ. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly thọ. Thế nào là biết như thật về tưởng? Có sáu tưởng. Tưởng do sự tiếp xúc của mắt mà sanh khởi. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra tưởng, đó gọi là tưởng. Như vậy là biết như thật về tưởng. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của tưởng? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của tưởng. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của tưởng? Sự diệt tận của xúc là diệt tận của tưởng, đó là sự diệt tận của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của tưởng. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh đinh. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tưởng? Tưởng làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tưởng. Thế nào là biết như thật về tai họa của tưởng? Bởi vì tưởng là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của tưởng. Như vậy là biết như thật về tai họa của tưởng. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly tưởng. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly tưởng. Thế nào là biết như thật về hành? Có sáu loại tư.57 Tư sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi? lưỡi, thân và ý mà sanh ra tư, đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về hành. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Sự diệt tận của xúc là diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của hành. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của hành? Hành làm rứiân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy là biết như thật ve vi ngọt của hành.

57 Nguyên tác: Lục tư thân .

Thế nào là biết như thật về tai họa của hành? Bởi vì hành là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của hành. Như vậy là biết như thật về tai họa của hành. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly hành? Đối với hành mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly của hành. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly hành. Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu loại thức. Nhãn, nhi, tỷ, thiệt, thân và ý thức, đó gọi là thức. Như vậy là biết như thật về thức. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của danh sắc là tập khởi của thức. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức? Sự diệt tận của danh sắc là diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận thức. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh đinh. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thức? Thức làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thức. Thế nào là biết như thật về tai họa của thức? Bởi vì thức là vô thuơng l khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thức. Như vậy là biết như thật ve tai họa của thức. Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thức? Đối với thức mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly thúc. Như vậy là biêt như thật về sự thoát ly thức. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là thuần thục bảy yếu tố. Thế nào là quán sát nghĩa theo ba cách? Nếu Tỳ-kheo ở nơi thanh vắng, bên gốc cây hay chỗ đất trống rồi quán sát về uẩn, giới và xứ,58 siêng năng tư duy về nghĩa này, gọi là Tỳ-kheo quán sát nghĩa theo ba cách. Đó gọi là Tỳ-kheo thuần thục bảy yếu tố và quán sát nghĩa đầy đủ theo ba cách đôi với Chánh pháp nên được dứt sạch phiên não, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình biết rõ, tự thân tác chứng rồi tự an trú: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ****

tác: Ấm, giới, nhập .Tỉnh lược của ngũ uẩn ,lục giới ,lục nhập xứ

QUYỂN 2 47

43. CHẤP THỦ VÀ KHÔNG CHẤP THỦ59

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. ,

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Do chấp thủ nên sanh đắm trước, không chấp thủ thì không đắm trước.

Hãy lang nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

Thế nào là do chấp thủ nên sanh đắm trước?

Phàm phu mê muội thiêu hiên biêt nên đôi với sác thì cho là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; cho rằng sắc là ngã, ngã sở nên chấp thủ; khi đã chấp thủ rôi? nêu sác kia biên chuyên hoặc đôi khác thì tâm cũng biên chuyên theo. Khi tâm đã biên chuyên theo thì sanh ra đăm trước, chập thủ nên tâm bi không chế và bị nắm giữ.60 Vì tâm bi khống chế và bị nắm giữ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì chấp thủ nên đắm trước. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên đối với thọ, tưởng, hành, thức thì cho là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; cho rằng thức là ngã, ngã sở nên chấp thủ; khi đã chấp thủ rồi, nếu thức kia biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm ấy cũng biến chuyển theo. Khi tâm đã biến chuyển theo thì sanh ra đắm trước, chấp thủ nên tâm bị khống chế và bi nắm giữ. Vì tâm bị khống chế và bi nắm giữ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì chấp thủ nên đắm trước. ĐÓ gọi là do châp thủ nên đăm trước. Thế nào gọi là không chấp thủ nên không đắm trước? Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sắc thì không cho là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; đối với sắc không cho là ngã, ngã sở để mà chấp thủ; khi không còn cho là ngã, ngã sở để chấp thủ vào sắc, dù sắc kia bi biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng không biến chuyển theo. Do tâm không biến chuyển theo nên không sanh ra đăm trước, châp thủ, tâm không bị không chê và không bị năm giữ. Vì tâm không bị không chê và năm giữ nên không sanh sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì không chấp thủ nên không đắm trước. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức không chấp là ngã, khác ngă? hoặc tồn tại trong nhau; đối với thức không cho là ngã, ngã sở để mà chấp thủ; khi không cho là ngã, ngã sở đê mà châp thủ, dù thức kia bị chuyên biên hoặc đôi 59 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.43. 0010cl9). Tham chiếu: (r.02. 0099.66. 00i 7b16); M. 138, Uddesavibhañga Sutta (Kinh tổng thuyết và biệt thuyết); s. 22.7 - III. 15. 60 Nguyên tác: Nhiếp thọ tâm trụ ().Tham chiếu: M. 138: Cittarn pariyādāya titthanti (xâm nhập tâm và tồn tại), HT. Thích Minh Châu dịch.

khác thì tâm cũng không biến chuyển theo. Do tâm không biến chuyển theo nên không sanh ra đăm trước, châp thủ, tâm không bị không chê và năm giữ. Vì tâm không bị khống chế và nắm giữ nên không sanh sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm? do vì không chấp thủ nên không đắm trước. Đó gọi là không chấp thủ nên không đắm trước. ĐÓ gọi là châp thủ thì đăm trước và không châp thủ thì không đăm trước. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

44. CHÚNG SANH VÀ TRÓI BUỘC61 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: Nếu có sanh thì có trói buộc, không sanh thì không bi trói buộc. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Thế nào gọi là có sanh thì có trói buộc? Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự thoát ly sắc nên đối với sắc lại ưa thích, khen ngợi, nắm giữ; cho rằng sắc là ngã, khác ngã rồi chấp thủ. Do chấp thủ nên khi sắc kia bị biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng bị biến chuyển và đổi khác theo. Do

tâm bị biến chuyển và đổi khác nên tâm bị khống chế và bị nắm giữ. Do tâm bị khống chế và bị nắm giữ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, luyến nhớ, là do có sanh nên có trói buộc. Đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Đó gọi là do có sanh nên có trói buộc. Thế nào là không sanh thì không bị trói buộc? Vi Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sác, vị ngọt của sác, tai họa của sác và sự thoát ly sác; do biêt như thật nên vị ây không ưa thích, không khen ngợi, không châp thủ, không trói buộc vào ngã, ngã sở để mà chấp thủ. Do không chấp thủ nên khi sắc kia bị biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng không bị biến chuyển hay đổi khác theo. Do tâm không biến chuyển hay đổi khác nên tâm không bị trói buộc, đắm trước, không bị khống chế và nắm giữ. Vì tâm không bị khống chế và nắm giữ nên tâm không sợ hãi, chướng ngại, luyến nhớ, vì không sanh nên không bị trói buộc. Đoi với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không sanh thì không bi trói buộc.

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.44. 0011al3). Tham chiếu: s. 22.8 - III. 18.

QUYỂN 2 49

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***

45. GIÁC NGÔ NĂM THỦ UẨN62 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm thủ uẩn.63 Là năm thứ nào? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào thấy có ngã thì tất cả đều từ nơi năm thủ uẩn này mà thấy có ngã. Các Sa-môn hay Bà-la-môn thấy sắc là ngã, sắc là khác ngã, hoặc sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc. Cũng vậy, thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã? là khác ngã, hoặc thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do vì vô minh nên thấy sắc là ngã, là khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau, hoặc cho rằng: "Ngã là chân that" nên không xả bỏ. Do không xả bỏ nên các căn sanh khởi.64 Các căn đã sanh khởi thì các xúc cũng sanh khởi. Do sự xúc chạm của sáu xúc nhập xứ65 nên phàm phu mê muội thiếu hiểu biết khởi lên cảm giác kho hay lạc, đều từ xúc nhập xứ mà sanh khởi. Những gì là sáu? Đó là, nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ. Như vậy, này các Tỳ-kheo! Có ý giới, pháp giới66 và vô minh giới.67 Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do sự tiếp xúc với vô minh68 nên khởi tưởng có,69 tưởng không, tưởng vừa có vừa không, tưởng ta hơn, tưởng ta bang, tưởng ta kém, tưởng ta biêt, tưởng ta thây, tưởng biêt như vậy, tưởng thây như vậy, đêu do sáu xúc nhập xứ mà sanh khởi. Đối với sáu xúc nhập xứ này, vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa vô minh mà sanh khởi minh, không sanh khởi tưởng c6, tưởng không, tưởng vừa có vừa không,

62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.45. OOllbOl. Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.63. 00Ì6Ồ13; s 22.47 -IIL 46. 63 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm . 64 Nguyên tác: Chư căn tăng trưởng ,chỉ cho sự sinh thành ngũ căn. 65 Nguyên tác: Lục xúc nhập xứ ,còn gọi là ulục xúc xứ”. 66Nguyên tác: Ý giới

,pháp giới ,hai giới trong 18 giới. Tham chiếu: Đa giới kinh rói. 0026.181. 0723b 19. 67 Nguyên tác: Vô minh giới ,một trong 6 giới, đó là lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới và vô minh giới. 68 Nguyên tác: Vô minh xúc ,avijjāsamphasso. Theo Câu-xa luân sớ TAX. 1822.10. 0607b24: Nhất thiết nhiễm xúc danh vô minh xúc . 69 Nguyên tác: Khởi hữu giác .

tưởng ta hơn, tưởng ta bằng, tưởng ta kém, tưởng ta biết, tưởng ta thấy. Biết như thật, thấy như thật rồi thì sự tiếp xúc với vô minh đã khởi lên từ trước bị tiêu diệt; về sau, tưởng tiếp xúc với minh70 sẽ sanh khởi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

46. CHƯỚNG NGẠI LÀ THỦ UẨN71 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có năm thủ uẩn.72 Là năm thứ nào? Đó là, sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào nhờ Túc mạng trí mà đã biết, sẽ biết hoặc đang biết rõ về đời sống của các kiếp trước thì những điều đã biết, sẽ biết và đang biết ấy thảy đều xuất phát từ năm thủ uẩn: "Ta đã trải qua đời quá khứ với sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy và thức như vậyy Những gì bị chướng ngại,73 bị phân tán thì gọi là sắc thủ uẩn. Những thứ gây trở ngại như do tay, hoặc đá, hoặc gậy, hoặc dao; hoặc lạnh, hoặc nóng; hoặc khát, hoặc đói; hoặc sự xúc chạm của muỗi mòng, các loại trùng độc, mưa, gió... đó gọi là bị chướng ngại do xúc. Cho nên, chướng ngại là sắc thủ uẩn. Lại nữa, sắc thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi. Các cảm thọ74 chính là thọ thủ uẩn. Cảm thọ những gì? Là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không kho không lạc, cho nên nói rang cảm thọ chính là thọ thủ uẩn. Lại nữa, thọ thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi. Các tưởng75 là tưởng thủ uẩn. Tưởng những gì? Là tưởng ít, tưởng nhiều, tưởng vô lượng, hoàn toàn không có gì thì khởi tưởng không có gì; cho nên gọi là tưởng thủ uẩn. Lại nữa, tưởng thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi. Hành vi tạo tác76 là hành thủ uẩn. Tạo tác những gì? Là tạo tác sắc, tạo tác thọ5 tạo tác tưởng, tạo tác hành và tạo tác thức; nên nói rằng hành vi tạo tác là hành thủ uẩn. Lại nữa, hành thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi.

70 Nguyên tác: Minh xúc ,đối lập của vô minh XIÍC . 71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.46. 0011b21. Tham chiếu: s. 22.79 -III. 86. 72 Nguyên tác: Ngũ thọ ấm . 73 Nguyên tác: Ngại M, ruppaiĩ, có nghĩa là sự thay đổi, nhưng theo Chủ giải thì mang nghĩa là bị phá hoại bhijjati. 74 Nguyên tác: Giác tướng vedayati'. Cảm thọ hay cảm giác . 75 Nguyên tác: Tưởng ,sañjānāti.
76 Nguyên tác: Vi tác tướng sañkhatamabhisañkharontī .

Xem xét, biết rỗ11 là thức thủ uẩn. Biết rõ những gì? Là biết sắc, biết thanh, hương, vị, xúc và biết pháp; nên nói rằng xem xét, biết rõ là thức thủ uẩn. Lại nữa, thức thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi. Này các Tỳ-kheo! Đối với sắc thủ uẩn này, vị

Thánh đệ tử đa văn hãy học như vầy: “Ta hiện tại đang bị sắc nhai nuốt;7778 trong đời quá khứ đã từng bị sắc kia nhai nuốt, giống như hiện tại." Vị ấy lại suy nghĩ như vầy: "Ta hiện tại đang bị sắc nhai nuốt. Nếu ta còn tham đắm sắc tương lai thì cũng sẽ bị sắc kia nhai nuốt, giống như hiện tại." Biết như vậy rồi, vị ấy không luyến tiếc sắc quá khứ, không tham đắm sắc tương lai; đối với sắc hiện tại thì sanh nhàm chán, lìa dục, trừ tai họa, hướng đến diệt tận. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với thọ thủ uẩn, tưởng, hành và thức thủ uẩn cũng nên học như vầy: "Ta hiện tại đang bị thức nhai nuốt, trong đời quá khứ đã từng bi thức ấy nhai nuốt, giống như hiện tại. Ta hiện tại đã bi thức nhai nuốt, nếu còn tham đắm thức tương lai thì cũng sẽ bị thức ấy nhai nuốt giống như hiện t@i." Biết như vậy rồi, vi ấy không tiếc nuối thức quá khứ, không mong cầu thức tương lai; đối với thức hiện tại thì nhàm chán, lìa dục, diệt tai họa, hướng đến tịch diệt. Diệt mà không tăng, lùi mà không tiến, diệt mà không khởi, xả chứ không nam giữ. Đối với những gì diệt mà không tăng? Đối với sắc, diệt mà không tăng. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức diệt mà không tăng. Đối với những gì lùi mà không tiến? Đối với sắc, lùi mà không tiến. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức lùi mà không tiến. Đối với những gì diệt mà không khởi? Đối với sắc, diệt mà không khởi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức diệt mà không khởi. r r r9 r , . Đôi với những gì xả mà không năm giữ? Đôi vớiĩ săc,. xả mà không năm giữ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức xả mà không năm giữ. Diệt mà không tăng, tịch diệt mà an trụ; lùi mà không tiến, tịch lặng mà an trụ; diệt mà không khởi, tịch diệt mà an trụ; xả chứ không chấp, không sanh ra trói buộc. Do không bi trói buộc nên chứng đắc Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành* *

77 Nguyên tác: Biệt tri tướng vijānāti. Tướng dùng như xem xét . 78
Nguyên tác: sắc sở thực rūpena khcyjāmī.

52 KINH TẠP A-HÀM

Kệ tóm tắt:
Ngã, Ty hạ, Chủng tử, Phong trệ, Ngũ chuyển, Thất,
Nhị phược trước cập Giác, Tam thế ấm thế thực.79
***

47. TÍN TÂM80 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bảo các Ty-kheo: Người thiện nam có lòng tin phải nên suy nghĩ như vầy: "Ta nên tuần tự thực hành theo pháp.81 Đoi với sắc, ta hãy song với sự nhàm chán mãnh liệt;82 đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng sống với sự nhàm chán mãnh liet?9 Người thiện nam có lòng tin liền sống với sự nhàm chán mãnh liệt đối với sắc; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng sống với sự nhàm chán mãnh liệt. Đã nhàm chán đối với sắc, cũng đã nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức; do nhàm chán nên vi ấy lìa dục, được giải thoát và thấy, biết rõ đã giải thoát: "Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

48. CHÂN CHÁNH XUẤT GIA83 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bay giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Người thiện nam có lòng tin chân chánh xuất gia, sống không gia đình, nghĩ rằng: “Ta nên tuần tự thực hành theo pháp,84 đối với sắc, hãy sống với sự nhàm chán mãnh liệt; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng sống với sự nhàm

79 Nguyên tác Nhiếp tụng:,;,.Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp
tụng khống trung với tên kinh. 80 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.47. 0012a09). Tham chiếu: s. 22.146 - m. 179. 81 Nguyên tác: Tùy thuận pháp (IIdhammānudhammappatipannā). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyên l, tr. 24; Tạp.(/.02. 0099 27. 0005c20). 82 Nguyên tác: Đa tu (đồng nghĩa với nhiệt tâm (,bahulò). Theo s. 22.146 - III. 179: Ai sống nhàm chán nhiều đối với sac (HT. Thích Minh Châu dịch). 83 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.48. 0012al8). Tham chiếu: s. 22.147 - III. 179. 84 Nguyên tác: Tùy thuận pháp (,dhammānudhammappatipannā). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyên l, tr. 24; Tạp.(f.O2. 0099.27. 0005c20).

QUYỂN 2 53

chán mãnh liet." Người thiện nam có lòng tin chân chánh xuất gia, sống không gia đình; đôi với sác, vi ây sông với sự nhàm chán mãnh liệt; đôi với thọ, tưởng, hành và thức, cũng sống với sự nhàm chán mãnh liệt nên được thoát ly đối với sắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức, cũng được thoát ly. Ta nói rằng, những vị ấy chắc chắn thoát ly hết thảy sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

49. PHÁP SANH DIỆT85 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ? The Ton hỏi Ton giả A-nan: Nêu trưởng giả hay con của trưởng giả nào có lòng tin đên hỏi thây răng: "d trong những pháp nào có thể biết được sự sanh diệt của chhng?" Thầy sẽ trả lời như thế nào? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch đức Thê Tôn! Nêu có trưởng giả hay con của trưởng giả có lòng tin đến hỏi, con sẽ đáp như vầy: "Biết sắc là pháp sanh diệt. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diet." Bạch Thê Tôn! Nêu có trưởng giả hay con của trưởng giả đên hỏi những điều như thế thì con sẽ trả lời như vậy. Phật bảo Tôn giả A-nan: Lành thay! Lành thay! cần phải trả lời như vậy. Vì sao như vậy? Vì sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Biết sắc là pháp sanh diệt, đó gọi là biết sắc. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt, đó gọi là biết thức. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

50. PHẬT HỎI A-NAN86

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước
Xá-vệ'

85 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.49. 0012a27). Tham chiếu: s. 22.37 - III. 37; S. 22.38 - III. 38. • 86 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.50. 0012b

10). Tham chiếu: s. 22.37 - III. 37; S. 22.38 - III. 38.

"TV Á__ — ! rT^ _ • 2 T Bay giơ, The Ton hoi Ton giả A-nan: 9 _____

Nếu những người xuất gia ngoại đạo đến hỏi thầy rằng: "Này A-nan! Vì sao Thế Tôn dạy người tu các Phạm hạnh?" Khi được hỏi như vậy thì thầy sẽ trả lời như thế nào? Tôn giả A-nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu những người xuất gia ngoại đạo đến hỏi con: "Này A-nan! Vì sao Thế Tôn dạy người tu các Phạm hạnh?" thì con sẽ trả lời: uyì để nhàm chán, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh đối với sắc cho nên Thế Tôn dạy người tu các Phạm hạnh. Cũng vậy, vì để nhàm chán, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh đối với thọ, tưởng, hành, thức cho nên Thế Tôn dạy người tu r: Ị. . ỉ . r hành Phạm hạnh." Bạch Thê Tôn! Nêu có người xuất gia ngoại đạo nào đên hỏi thì con sẽ trâ lời như vậy. Phật bảo Tôn giả A-nan: - Lành thay! Lành thay! Nên trả lời như vậy. Vì sao như vậy? Vì thực tế, để nhàm chán, lìa dục, giải thoát, không sanh đối với sắc, cho nên Ta dạy người tu các Phạm hạnh. Cũng vậy, vì để nhàm chán, lìa dục, giải thoát, không sanh đối với thọ, tưởng, hành, thức cho nên Ta dạy người tu các Phạm hạnh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

51. PHÁP HOẠI87 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà5 thuộc nước Xá-vệ. -pv Á •y rpl Á r-p /V 19 Z r-pi \ l ì Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ giảng nói về pháp hoại và pháp bất hoại cho các thầy. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Này các Tỳ-kheo! sắc là pháp hoại.88 Sự diệt tận của sắc ấy là Niết-bàn, là pháp bất hoại. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp hoại. Sự diệt tận của thức ấy là Niết-bàn, là pháp bát hoại. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

87 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.51. 0012ỒỒ25). Tham chiếu: s. 22.32 . III. 32. 88 Nguyên tác: Hoại pháp (,pabhañgu).

52. UẤT-ĐỂ-CA8990 Kinh uất-để-ca, như đã nói trong Tăng nhất A-hàmf phẩm Bon pháp.9ồ ***

53. BÀ-LA-MÔN THƯA HỎI PHẬT91 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian rồi đến ngụ trong rừng Thân- thứ,92 phía Bắc làng Tát-la, thuộc nước Câu-tát-la.93 Bấy giờ, chủ của ngôi làng là Bà-la-môn Đại Tánh nghe tin Sa-môn họ Thích, từ dòng họ lớn Thích-ca đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, với niềm tin tha thiết, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo, thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang du hóa trong nhân gian, đến ngụ trong rừng Thân-thứ, phía Băc làng Tát-la? thuộc nước Câu-tát-la. Sa-môn Cù-đàm có dung sắc, danh tiếng và công đức chân thật, được trời và người khen ngợi, vang kháp tám phương. Ngài là bậc Như Lai, Ưng Cúng, Đăng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Giữa các cõi chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn và Bà-la-môn, với trí tuệ rộng lớn, Ngài tự mình

biết rõ rằng: "Sịt sanh của Ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Ngài diễn nói giáo pháp vi diệu cho thế gian, phần đầu, phần giữa và phàn cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa,9495 ngôn từ chuẩn xác,95 thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Lành thay! Nên gặp. Lành thay! Nên đến. Lành thay! Nên cung kính. Suy nghĩ như vậy rồi, Bà-la-môn liền sửa soạn xe cộ? dẫn theo nhiều tùy tùng, bưng bình bằng vàng, cầm lọng cán vàng cùng đi đến chỗ Phật, cung kính cúng dường. Đen cửa rừng, Bà-la-môn xuống xe và đi đến chỗ Thế Tôn thăm hỏi, vấn an ròi ngồi sang một bên và bạch: -Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ngài bàn luận về điều gì? Giảng nói những gì? Phật bảo Bà-la-môn: -Ta bàn luận về nhân [duyên], giảng nói về nhân [duyên]. Bà-la-môn lại bạch Phật: 89 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.52. 0012c02). 90 Theo Phiên Phạn ngữ (7:54. 2130.1. 0981a22) đó là Tăng.(02. 0125.26.8. 0639a04). 91 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.53. 0012c04). 92 Nguyên tác: Thân-thứ (Simsapāvana). 93 Nguyên tác: Câu-tát-la (Kosala). 94 Nguyên tác: Thiện nghĩa ().Du-già sư địa luận (T.30.1579.57.0616b23)ghi là t4nghĩa thar^íịnh”(^ỴHoavu tạp (K25. 0025.1. 0183al2) ghi làunghĩathâmáo,9 ()' 95 Nguyên tác: Thiện vị ().VỊ (,vyañjana) vừa có nghĩa là vị của món ăn vừa có nghĩa là mẫu tự.

Ngài bàn luận về nhân [duyên] như thế nào? Giảng nói về nhân [duyên] như thế nào? Phật bảo Bà-la-môn: Có nhân, có duyên nên the gian tập khởi. Có nhân, có duyên nên có sự tập khởi của thế gian. Có nhân, có duyên nên thế gian diệt tận. Có nhân, có duyên nên có sự diệt tận của thế gian. Bà-la-môn bạch Phật: -Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là có nhân, có duyên nên thế gian tập khởi? The nào là có nhân, có duyên nên có sự tập khởi của the gian? Phật bảo Bà-la-môn: Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của săc, vị ngọt của săc, tai họa của săc và sự thoát ly săc. Do không biết như thật nên đối với sắc ưa thích, khen ngợi, sống với tâm đắm nhiễm. Do ưa thích đoi với sắc nên có thủ, do duyên thủ nên có hữu, do duyên hữu nên có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Này Bà-la-môn! Đó gọi là có nhân, có duyên nên the gian tập khởi; có nhân, có duyên nên có sự tập khởi của the gian. Bà-la-môn bạch Phật: Thế nào gọi là có nhân, có duyên nen thế gian diệt tận? Thế nào gọi là có nhân, có duyên nên có sự diệt tận của thê gian? Phật bảo Bà-la-môn: -Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của săc, vị ngọt của sác, tai họa của sác và sự thoát ly sác. Do biêt như thật nên vi ấy đối với sắc không ưa thích, không khen ngợi, không đắm nhiễm, không bám víu; do không ưa thích, không bám víu nên sự tham ái đối với sắc cũng diệt. Ái diệt thì thủ diệt. Thủ diệt thì hữu diệt. Hữu diệt thì sanh diệt. Sanh diệt thì già, chét, ưu, bi, khô, não diệt. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này Bà-la- môn! Đó gọi là có nhân, có duyên nên thế gian diệt tận; có nhân, có duyên nên có sự diệt tận của thê gian. Này Bà-la-môn! Đó gọi là bàn luận về nhân [duyên], đó gọi là giảng nói về nhân [duyên]. Bà-la-môn bạch Phật: -Thưa Cù-đàm! Như vậy là bàn luận về nhân [duyên], như vậy là giảng nói vê nhân

54. PHÁP THÙ THẮNG96 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, tru xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Lúc ấy, ở làng Tỳ-ca-đa-lỗ-ca có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Tôi có một đệ tử trẻ tuổi, biết về thiên văn, biết về dòng tộc, xem tướng lành dữ cho mọi người, nói có ắt là c6, nói không ắt là không, nói thành ắt là thành, nói hoại ắt là hoại. Thưa Cù-đàm! Ý Ngài nghĩ thế nào? Phật bảo Bà-la-môn: Hãy bỏ qua việc đệ tử trẻ tuổi của ông biết về thiên văn, biết về dòng tộc. Nay Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà trả lời. Này Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Sắc vốn không có chủng loại chăng? Bà-la-môn đáp: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức vốn không có chủng loại chăng? Bà-la-môn đáp: -Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn: Ong nói răng, đệ tử trẻ của ông biêt rõ vê thiên văn, vê dòng tộc, vì mọi người mà nói như vầy: "Nói có ắt là có, nói không ắt là kh6ng", vậy sự thấy biết này chang phải là hư doi sao? Bà-la-môn bạch Phật: - Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn: Y ông nghĩ sao? Có săc nào mà tôn tại mãi suôt trăm năm? Hay là do cái khác mà sanh, do cái khác mà diệt? Có thọ, tưởng, hành, thức nào mà tồn tại mãi suốt trăm năm? Hay là do cái khác mà sanh, do cái khác mà diệt? Đáp: - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn: Ý ông nghĩ sao? Đệ tử trẻ tuổi của ông biết về thiên văn, biết về dòng tộc, và nói với mọi người rằng thành ắt không hoại, sự thấy biết ấy chẳng phải là không đã khác chang? •

96 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.54. 0013al7).

Đáp: - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bảo Bà-la-môn: Ý ông nghĩ sao? Pháp này, pháp kia, thuyết này, thuyết kia, vậy trường hợp nào hơn? Bà-la-môn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như những điều mà Phật đã nói, đã hiển bày, đã khai mở, đó là lời nói đúng như pháp. Ví như có người chìm xuống nước được vớt lên, người bị tù tội được cứu ra, người lạc đường được chỉ lối, nơi tối tăm có được ánh sáng. Bạch Thế Tôn! Hôm nay, Thế Tôn khéo nói pháp thù thắng cũng lại như vậy, đã hiển bày, khai mở. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn ở làng97 Tỳ-ca-đa-lỗ-ca nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ roi từ chỗ ngoi đứng dậy lễ chân Phật mà ra ve. ***

55. UẨN VÀ THỦ UẨN9899 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ giảng nói về uẩn" và thủ uẩn.100 Thế nào là uẩn? Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng được gọi chung là sắc uẩn. Những gì thuộc về thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy, tát cả chúng được gọi chung là thọ, tưởng, hành và thức uẩn. Đó gọi là uẩn. Thế nào là thủ uẩn? Nếu sắc bi nhiễm ô,101 bi chấp thủ thì nơi sắc ấy, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, liền sanh khởi tham dục, sân hận, ngu si và các thứ tâm sở tùy phiền não102 khác. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Đó gọi là thủ uấn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy

đều hoan hỷ phụng hành. ***

9\Nguyên tác: Tỳ-ca-đa-lỗ-ca ,thiếu chữ tụ lạc .Bản dịch bổ sung dựa theo phần đầu kinh. 98 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.55. 0013Ò13. Tham chiếu: s. 22.48 - III. 47. 99 Nguyên tác: Ấm . 100 Nguyên tác: Thọ ấm . 101 Nguyên tác: Hữu lậu ,sāsavā. 102 Nguyên tác: Thượng phiền não .

56. HỮU LẬU VÀ VÔ LẬU103 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ giảng nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu. Nếu sắc bị nhiễm 6, bị chấp thủ thì nơi sắc ấy sanh ra ái và sân. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức bị nhiễm 6, bị chấp thủ thì nơi thức ấy sanh ra ái và sân. Đó gọi là pháp hữu lậu. Thế nào là pháp vô lậu? Những gì thuộc về sắc không bị nhiễm ô, không bị chấp thủ thì nơi sắc ấy, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại không sanh ra ái và sân. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không bị nhiễm ô, không bị chấp thủ thì nơi thức ấy, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tai không sanh ra ái và sân. Đó gọi là pháp vô lậu. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *

Kệ tóm tắt:

Nhị tín, nhị A-nan, Hoại pháp, uất-để-ca?

Bà-la cập Thế gian, Trừ lậu, Vô lậu pháp.104

***

57. DIỆT TRỪ LẬU HOẶC105 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đắp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khất thực. Khi trở về, Ngài lại đắp y, ôm bát và không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả, chỉ một mình, không có người đi theo, Ngài đi về cối nước phương Tây, du hóa trong nhân gian. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo ở trong rừng An-đà?106 từ xa trông thấy Thế Tôn không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thi giả, chỉ một mình, không có người đi theo. Thấy vậy? vi ấy liền đi đến chỗ Tôn giả A-nan và thưa Tôn giả:

103 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.56. 0013ỒỒ24). 104 Nguyện tác Nhiếp tụng:,;îè. Do đặt lại tựa đề

nên Nhiếp tụng không trung với tên kinh. 105 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.57. 0013c07). Tham chiếu: s. 22.81 - III. 94. 106 Nguyên tác: An-đà lâm (,Andhavana).

- Tôn giả nên biết! Thế Tôn không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả. Ngài đi du hóa một minh, không có người đi theo. Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo ấy: -Nếu Thế Tôn không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả mà đi du hóa một mình thì không nên đi theo Ngài. Vì sao như vậy? Vì hôm nay, Thế Tôn muôn an trụ trong sự văng lặng, ít bận rộn. Bấy giờ, Thế Tôn du hóa về phương Bắc, ngụ bên gốc cây Bạt-đà-tát-la107 trong khu rừng có người trông coi tại thôn Ba-đà? thuộc nước

Bán-xà.108 Lúc ấy, có số đông Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan rồi hỏi Tôn giả: -Tôn giả có hay tin đức Thế Tôn hiện giờ đang ở đâu không? Tôn giả A-nan trả lời: -Tôi nghe Thế Tôn đi về phương Bắc, ngụ bên gốc cây Bạt-đà-tát-la, trong khu rừng có người trông coi tại thôn Ba-đà? thuộc nước Bán-xà. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan: -Tôn giả nên biết! Chúng tôi không được diện kiến đức Thế Tôn đã lâu. Nếu không ngại mệt nhọc, xin Tôn giả cùng đi với chúng tôi đến chỗ Thế Tôn, xin thương xót cho! Biết đúng thời, Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Thế rồi, qua đêm hôm đó9 vào lúc sáng sớm, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khát thực xong trở vê tinh xá, hét thảy Tỳ-kheo thu dọn giường chõng roi mang y bát đi du hóa trong nhân gian theo hướng Tây roi quay vê phương Bác, đến khu rừng có người trông coi tại thôn Ba-đà,109 thuộc nước Bán-xà. Bây giờ5 sau khi sáp xép y bát và rửa chân xong, Tôn giả A-nan cùng sô đông Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy, đức Thế Tôn vì số đông Tỳ-kheo thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.110 1 r Ạ Bây giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo suy nghĩ như vây: Biêt như thê nào, thây như thê nào đê mau chóng dứt sạch lậu hoặc?

107 Nguyên tác: Bạt-đà-tát-la thọ Bhaddasāla, một loại cây Sa-la. 108 Nguyên tác: Bán-xà . 109 Nguyên tác: Ba-đà một ngôi làng ở Kosambī. 110 Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ ,.Cú ngữ này trong Thất xa kinh roi. 0026.9. 0429c28 ghi là "khuyên phát, khátngưỡng, thành tựu, hoan h,nghĩa là: mở bày sandassetī, dạy bảo ,samādapeti, khích lệ ,samuttejetī và khiến được hoan hỷ ^^^^sampaharnscti. Ngài Huyền Trang dịch cú ngữ này là ctthị hiện, giáo đạo, tán lệ, khánh ”J.Ngài Nghĩa Tịnh dịch là "khai thj, khuyến đạo, tán lệ, khánh hy,9 .

QUYỂN 2 61

LÚC ấy, biết những suy nghĩ trong tâm của Tỳ-kheo kia, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ở trong chúng này, có Tỳ-kheo đã suy nghĩ như vầy: "Biết như thế nào, thấy như thê nào để mau chóng dứt sạch lậu hoặc?" Ta đã thuyết pháp: Hãy khéo quán sát các uân,111 đó là bốn niệm xứ,112113bốn chánh cần13 bốn như ý túc,114 năm căn, năm lực5 bảy giác chi115 và tám Thánh đạo. Ta đã giảng nói giáo pháp như vậy để quán sát các uẩn, vậy mà nay có những người thiện nam không nỗ lực thực hành, khônệ nỗ lực vui thích, không nỗ lực tư duy, khôn^ nỗ lực tin tưởng mà tự mình biêng nhác nên không thể tăng tiến để diệt trừ hét thảy lậu hoặc. Nêu lại có người thiện nam nào đôi với pháp của Ta đã giảng nói mà quán sát các uẩn, nỗ lực thực hành, nỗ lực vui thích, nỗ lực tư duy, nỗ lực tin tưởng thì người đó mau diệt trừ hết thảy lậu hoặc. Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết đối với sắc thấy là ngã, nếu thấy ngã thì gọi là hành. Hành ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Do xúc chạm vô minh116117 nên khát ái sanh khởi. Duyên vào khát ái ấy mà hành sanh. Oát ái ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Khát ái ấy do thọ làm nhân, do thọ mà tập khởi, do thọ mà sanh và do thọ mà chuyển. Thọ ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Thọ ấy do xúc làm nhân, do xúc mà tập khởi,

do xúc mà sanh, do xúc mà chuyển. Xúc ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Xúc ấy do sáu nhập xứ làm nhân, do sáu nhập xứ mà tập khởi, do sáu nhập xứ mà sanh và do sáu nhập xứ mà chuyên. Sáu nhập xứ ây là vô thường, là pháp hữu vi17 là pháp duyên khởi.118 Xúc, thọ, ái và hành cũng là vô thường, là pháp hữu vi? là pháp duyên khởi. Quán sát như vậy mà còn thấy sắc là ngã, hay không còn thấy sắc là ngã mà thấy sắc là ngã sở; không còn thấy sắc là ngã sở mà thay sắc ở trong ngã; không còn thấy sắc ở trong ngã mà thấy ngã ở trong sắc; không còn thay ngã ở trong

111 Nguyên tác: Ấm ,khandho. 112 Nguyên tác: Tứ niệm xứ satipatthāna, còn gọi là "tứ niệm trụ^, . 113 Nguyên tác: Tứ chánh cn ,sammappadhānā. 114 Nguyên tác: Tứ như ý túc 'iddhipādā. 115 Nguyên tác: Thất giác phần ,sambojjhañga. 116 Nguyên tác: Vô minh xúc ,avijjāsamphasso. 117 Nguyên tác: Hữu vi scừikhcưa. 118 Nguyên tác: Tâm duyên khởi pháp Các pháp do tâm sanh.

62 KINH TẠPA-HÀM

Sắc mà thấy thọ là ngã; không còn thấy thọ là ngã mà thấy thọ là ngã sở; không còn thấy thọ là ngã sở mà thấy thọ ở trong ngã; không còn thấy thọ ở trong ngã mà thây ngã ở trong thọ; không còn thây ngã ở trong thọ mà thây tưởng là ngã; không còn thấy tưởng là ngã mà thấy tưởng là ngã sở; không còn thấy tưởng là ngã sở mà thấy tưởng ở trong ngã; không còn thấy tưởng ở trong ngã mà thấy ngã ở trong tưởng; không còn thấy ngã ở trong tưởng mà thấy hành là ngã; không còn thây hành là ngã mà thây hành là ngã sở; không còn thây hành là ngã sở mà thấy hành ở trong ngã; không còn thấy hành ở trong ngã mà thấy ngã ở trong hành; không còn thấy ngã ở trong hành mà thấy thức là ngã; không còn thấy thức là ngã mà thấy thức là ngã sở; không còn thấy thức là ngã sở mà thấy thức ở trong ngã; không còn thấy thức ở trong ngã mà thấy ngã ở trong thức; không còn thấy ngã ở trong thức, lại khởi đoạn kiến, đoạn diệt kiến;119 không khởi đoạn kiến và đoạn diệt kiến mà không lìa ngã mạn; người không lìa ngã mạn thì lại thấy ngã, thấy ngã ấy tức là hành. Hành ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Như trước đã nói?... (cho đến) ngã mạn. Nếu biết như thế5 thấy như thế thì mau chóng diệt trừ hết thảy lậu hoặc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

58. NGUỒN GỐC CỦA NĂM THỦ UẨN120 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Lộc Mau ở Đông Viên,121 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi chiều, sau giờ tọa thiền, Thế Tôn trải tòa ngồi ở trước các Tỳ-kheo rồi bảo: Có năm thủ uẩn.122 Thế nào là năm? Là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Bay giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục bày vai phải, quỳ gối phải sát đất rồi chắp tay bạch Phật:

119 Nguyên tác: Hoại hữu kiến (). Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.58.0014bl 2). Tham chiếu: M. 109, Mahāpunnama Sutta (Đại kinh mãn nguyệt)', s. 22.82 - III. 100. 121 ĐôngViênLộc Mau giảng đường ()còn được viết là

Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường (,Pubbārāma Migāramātu pāsādā). Đông Viên (lí, Pubbārāma) là tên riêng củarnột khu vườn năm bên ngoài cửa Đông của thành Xá-vệ (Sāvatthi); Lộc Mau giảng đường (,Migāramātu pāsādā) là giảng đường được thiện nữ Tỳ-xá-khư (Visākhā) xây dựng cúng dưcmg cho chư Tăng. Theo DhA. L 407, do vì nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư (Visākhā) có người con tên là Migãra () nên cũng được gọi là mẹ của Migâra. 122 Nguyên tác: Thọ ấm ().

Bạch Thế Tôn! Phải chăng có năm thủ uẩn như vầy: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn? Phật bảo Tỳ-kheo: Thầy hãy trở lại chỗ ngồi rồi hỏi! Ta sẽ giảng nói cho thầy. Thế rồi, Tỳ-kheo ấy lễ Phật xong, trở về chỗ ngồi của mình rồi bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Năm thủ uẩn này lấy gì làm nguồn gốc? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà xúc? Phật bảo Tỳ-kheo: -Năm thủ uẩn này lấy dục làm nguồn gốc, do dục mà tập khởi, do dục mà sanh, do dục mà xúc. Khi nghe Phật dạy như thế, Tỳ-kheo ấy hoan hỷ? tùy hỷ rồi bạch Phật: Thế Tôn đã giảng nói năm uẩn bi chấp thủ. Hay thay những lời Ngài dạy! Bạch đức Thế Tôn! Nay con lại xin hỏi: uẩn này bị chấp thủ hay năm uẩn khác bi chấp thủ? Phật bảo Tỳ-kheo: Chăng phải năm uân này bi châp thủ, cũng chăng phải năm uân khác bi chấp thủ mà nơi nào có dục tham thì nơi đó năm uẩn bị chấp thủ. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay! Bạch đức Thế Tôn! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Cho con xin hỏi lần nữa: Có hai uẩn tương quan chăng? Phật bảo Tỳ-kheo: Đúng the! Đúng the! Nếu có một người suy nghĩ như vầy: CÍTa ở đời tương lai sẽ được sắc như vầy, thọ như vầy, tưởng như vầy, hành như vầy, thức như vầy." Này Tỳ-kheo! Đó gọi là uẩn và uẩn tương quan. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin hỏi thêm: Thế nào gọi là uẩn? Phật bảo Tỳ-kheo: Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều gọi chung là uẩn. Đó gọi là uẩn. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Như thế, này Tỳ-kheo! Đó gọi là uẩn. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Do nhân gì, do duyên gì mà gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, do duyên gì mà gọi là thọ, tưởng, hành và thức uẩn?

Phật bảo Tỳ-kheo: r r r 9

- Do bôn đại làm nhân, bôn đại làm duyên nên gọi là sac uân. Vì sao như vậy? Vì những gì thuộc về sắc uẩn thì tất cả chúng đều do duyên bốn đại, do bốn đại tạo thành. Do xúc làm nhân, xúc làm duyên sanh khởi thọ, tưởng và hành, cho nên gọi là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Vì sao như vậy? Vì nếu những gì thuộc về thọ, tưởng và hành thì tất cả chúng đều do xúc làm duyên. Do danh sac làm nhân, danh sac làm duyên, cho nên gọi là thức nân. Vì sao như vậy? Vì nếu những gì thuộc về thức thì tất cả chúng đều do danh sắc làm duyên. Ty-kheo bạch Phật: Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: The nào là vị ngọt của sắc? The

nào là tai họa của sắc? Thế nào là sự thoát ly sắc? Thế nào là vi ngọt của thọ, tưởng, hành và thức? Thế nào là tai họa của thức? Thế nào là sự thoát ly thức? Phật bảo Ty-kheo: Duyên vào sắc, hỷ lạc sanh khởi, đó gọi là vi ngọt của sắc. Vì sắc vô thường, là khổ, là pháp biến đổi nên gọi đó là tai họa của sắc. Nếu đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt thoát dục tham, đó gọi là sự thoát ly sắc. Nếu duyên vào thọ, tưởng, hành và thức mà sanh khởi hỷ lạc, đó gọi là vi ngọt của thức. Thọ, tưởng, hành và thức là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thức. Đối với thọ, tưởng, hành và thức mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt thoát dục tham, đó gọi là sự thoát ly thức. Tỳ-kheo bạch Phật: -Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Do đâu mà sanh ngã mạn? Phật bảo Ty-kheo: -Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên đối với sắc thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành và thức thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau, từ đây sanh ra ngã mạn. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con lại xin hỏi thêm: Làm thế nào để không còn ngã mạn? Phật bảo Tỳ-kheo:

QUYỂN 2 65

-Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sắc không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau. Tỳ-kheo bạch Phật: Lành thay những lời Ngài dạy! Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Biết những gì, thấy những gì thì mau chóng đoạn trừ hết thảy lậu hoặc? Phật bảo Tỳ-kheo: Những gì thuộc ve sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tê, hoặc tót hoặc xâu, hoặc xa hoặc gân, tát cả chúng đều chẳng phải là ngã, chẳng khác ngã cũng chẳng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như thế. Này Tỳ-kheo! Nếu biết như thế, thấy như thế thì mau chóng đoạn trừ hết thảy lậu hoặc. Bấy giờ, trong hội chúng có một thầy Tỳ-kheo căn tánh chậm lụt, không hiểu biết, bị vô minh che lấp nên khởi tà kiến xấu ác, nghĩ rằng: “Nếu đã là vô ngã thì nghiệp do vô ngã tạo, vậy ai sẽ thọ nhận quả báo trong đời sau?" Lúc ấy, biết những suy nghĩ trong tâm của Tỳ-kheo kia, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo: e Z A k r Ở trong chúng này, có kẻ ngu si, thiêu trí tuệ suy nghĩ răng: "Nêu sác vô ngã; thọ, tưởng, hành và thức vô ngã thì nghiệp do vô ngã tạo, vậy ai sẽ thọ nhận quả bág?" Những điều nghi ngờ như thế, trước đây Ta đã giải thích. Này Tỳ-kheo! Thế nào, sắc là thường hay sắc là vô thường? Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, là vô thường! -Nếu vô thường là khổ chăng? Đáp: Bạch Thế Tôn, là khổ! -Nếu là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp ấy có nên thấy là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Đáp: - Thưa không, bạch đức Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vậy nên, này Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải ngã5 chẳng phải ngã sở. Thấy như thế gọi là chánh kiến. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thê. Vi Thánh đệ tử đa văn quán sát như thế, liền tu tập sự nhàm chán; nhàm chán rồi thì lìa dục; đã lìa dục thì được giải thoát và thấy biết rằng đã được giải

thoát: uSự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi đức Phật nói kinh này xong, số đông Tỳ-kheo không sanh khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Đức Phật giảng nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. * Kệ tóm tắt: Uẩn, Căn, Ấm tức thọ, Nhi uẩn cộng Tương quan, Danh tự, Nhân, Nhi vị, Nhị ngã mạn, Tật lậu tận.123

123 I^uyên tác Nhiếp tụng: „;;.Do đặt lại tựa đe nên
Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 2.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.